TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2018

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Thanh Hải.**

2. Bà **Lý Thị Bé Năm.**

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Võ Phong Hiếu**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy;

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Bình**.

Trong ngày **13** tháng **02** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Đặng Văn N**, sinh năm 1948. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số M, khu phố A, phường X, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

* *Bị đơn*: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Địa chỉ: số M khu phố A, phường X, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/10/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Văn N trình bày:

Ông và bà Trần Thị L chung sống với nhau vào năm 1979, không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa ông bà có quá nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa. Do nhận thấy tình cảm giữa ông bà không còn, hơn 10 năm nay ông đã xuất gia.

Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L.

Về con chung: có 03 con chung tên Đặng Anh Q, sinh năm 1980, Đặng Kim C, sinh năm 1981 và Đặng Thanh N, sinh năm 1990. Cả ba đã thành niên.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Trần Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đặng Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Đặng Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Bị đơn Trần Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Đặng Văn N và bà Trần Thị L chung sống như vợ chồng từ năm 1979, không đăng ký kết hôn. Như vậy, ông Đặng Văn N và bà Trần Thị L xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực). Trường hợp này, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNTC-BTP ngày 03/1/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp thì được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Văn N và bà Trần Thị L là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình sống chung, giữa ông Đặng Văn N và bà Trần Thị L phát sinh mâu thuẫn, ông Đặng Văn N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do hợp nhau về lối sống, nên thường xuyên cãi vã. Ông Đặng Văn N đã xuất gia từ hơn 10 năm nay và không còn sống chung như vợ chồng với bà Trần Thị L.

[5] Bị đơn Trần Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Văn N cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[6] Như vậy, ông Đặng Văn N và bà Trần Thị L không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, thời gian không chung sống với nhau đã hơn 10 năm, nên ông Đặng Văn N yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L là hoàn toàn phù hợp với Điều 19, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Trong quá trình sống chung, ông Đặng Văn N và bà Trần Thị L có với nhau 03 con chung tên Đặng Anh Q, sinh năm 1980, Đặng Kim C, sinh năm 1981 và Đặng Thanh N, sinh năm 1990, đã ba đã thành niên

[8] Tài sản chung, nợ chung: ông Đặng Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[9] Về án phí: Ông Đặng Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự…Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N, cho ông Năng được ly hôn

với bà Trần Thị L; 03 con chung tên Đặng Anh Q, sinh năm 1980, Đặng Kim C, sinh năm 1981 và Đặng Thanh N, sinh năm 1990, đã ba đã thành niên, không đặt ra xem xét; tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết; ông Đặng Văn N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành bộ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNTC-BTP ngày 03/1/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đặng Văn N được ly hôn với bà Trần Thị L.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Anh Q, sinh năm 1980, Đặng Kim C, sinh năm 1981 và Đặng Thanh N, sinh năm 1990, cả ba đã thành niên

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Ông Đặng Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001124 ngày 20/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Ông Đặng Văn N và bà Trần Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm